

TỪ THỰC TRẠNG ĐỔI MỚI MÔ HÌNH THƯ VIỆN ĐẠI HỌC MỸ, SUY NGHĨ VỀ XU HƯỚNG ĐỔI MỚI TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THƯ VIỆN ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Nguyễn Huy Chương²

â nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của thư viện đại học Mỹ, chúng tôi nhận thấy vai trò của công tác tổ chức quản lý thư viện đặc biệt quan trọng, là cơ sở, động lực và phương thức khiến cho hoạt động của thư viện ngày càng đi đúng hướng, đáp ứng được những đòi hỏi trong từng giai đoạn của nền giáo dục đại học nước này. Thành công của thư viện đại học Mỹ có phần đóng góp quan trọng của những tìm tòi trong lĩnh vực quản lý. Nó cũng được chi phối bởi nguyên lý hiệu quả. Người Mỹ ưa thay đổi, không cam chịu dừng lại ở một trạng thái nào quá lâu, luôn không thỏa mãn với những gì đã có. Những mô hình quản lý có tính chất tập trung quan liêu mang lại hiệu quả trong giai đoạn đầu đã được thay thế dần dần. Các mô hình mới có tính chất linh hoạt và hiệu quả hơn như mô hình đại học, mô hình nhóm đội, mô hình không biên giới... đã phát huy hiệu quả tốt và đang được nhân rộng. Nhờ đó, thư viện đại học Mỹ vẫn luôn duy trì được vị thế quan trọng của mình trong nhà trường.

1. Quá trình đổi mới mô hình thư viện đại học Mỹ

Vào khoảng những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước, mặc dù có những biến đổi trong giáo dục đại học ở Mỹ và tác động của cách mạng công nghệ thông tin đối với thư viện, nhưng chế độ quản lý thư viện vẫn là chế độ tập trung quan liêu, tuy có thay đổi một chút. Ở một vài nơi, kết cấu thứ bậc của bộ máy thư viện đã mở rộng thành một tổ chức phức tạp hơn, bởi vì ngoài những dịch vụ bạn đọc và công tác xử lý kỹ thuật, nhiều thư viện đã có thêm những chức năng như quản lý bộ sưu tập, tự động hóa, sử dụng các thiết bị hiện đại, nhân sự, tài chính,... Các giám đốc thư viện cũng chú trọng đến năng suất lao động. Chế độ quan liêu đã phát huy tác dụng thúc đẩy những nỗ lực tăng năng suất, mặc dù được thực hiện thông qua những luật lệ, quy tắc và các quyết định cứng nhắc. Do những ảnh hưởng của cách mạng công nghệ mới nên thư viện cũng như các tổ chức khác đều phải tìm cách để hoạt động có hiệu quả hơn. Công nghệ ảnh hưởng trực tiếp đến những thay đổi quy trình và năng suất của thư viện. ấ hiều vấn đề

² Tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà ấ ội

trong bộ máy tổ chức hành chính được thảo luận và đi đến thống nhất là cần phải thay đổi. Tuy nhiên, hầu hết các thư viện vẫn tiếp tục dùng cấu trúc quan liêu để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Dần dần, một chế độ quản lý mới được đề xuất để thay thế cho chế độ quản lý quan liêu, đó là cấu trúc đại học. Mô hình cấu trúc này trong quá khứ có liên quan đến vị thế của cán bộ thư viện. Việc áp dụng vị thế cán bộ giảng dạy dành cho cán bộ thư viện cao đẳng và đại học của hiệp hội thư viện, được đề xuất vào năm 1971, là thư viện cao đẳng và đại học nên áp dụng hình thái quản lý đại học. Thư viện nên đóng vai trò như là một khoa, có nguyên tắc và quyền hạn tương tự như một khoa của trường. Vào những năm 1990, các cán bộ thư viện của trường đại học Dickinson bang Pennsylvania cho rằng, cấu trúc đại học phù hợp với những hoạt động và vai trò của thư viện ở trường đại học. Mô hình cấu trúc đại học này có khả năng khiến cho cán bộ thư viện trở thành những đối tác đầy đủ trong tổ chức giáo dục. Với những tấm bằng thạc sĩ chuyên ngành khác nhau trong tay, cán bộ thư viện cũng chia sẻ kinh nghiệm về công việc với các cán bộ giảng dạy khác. Vào năm 1994, nhà nghiên cứu thư viện Bechtel phát biểu rằng “cán bộ thư viện đại học còn đang bị kìm kẹp bởi những trói buộc thứ bậc của chế độ quan liêu và giới hạn của công việc đã gây cản trở cho sự phát triển của cán bộ thư viện. Hệ thống đại học mở rộng cho các cán bộ thư viện tham gia sẽ là nhân tố có lợi cho sự phát triển của giáo dục đại học nói chung”³. Trong một thời gian dài, các cán bộ thư viện cảm thấy rằng cấu trúc thứ bậc quan liêu không đem lại năng suất và hiệu quả cao. Ắt có không hiệu quả vì thư viện chỉ được xem là một tổ chức thông thường mà ít được coi là nơi lưu giữ sản phẩm trí tuệ, đặc biệt khi công nghệ thông tin phát triển và kết hợp chặt chẽ với công tác thư viện. Ắt hiệu thư viện tổ chức theo mô hình mới, để phù hợp với xu thế phát triển và sự thay đổi mục đích của công tác quản lý. Ắt hững thư viện như thế có xu hướng cụ thể hóa công việc của mình bằng việc tập trung vào mục đích của thư viện hơn là vào những công việc khác. Trong chế độ quan liêu, mối quan hệ là một chiều, giám đốc xác định công việc và phương thức tiến hành, trong đó người lao động phải tuân thủ những quy định, quyết định và chỉ dẫn của giám đốc. Tổ chức theo lối đại học được định hướng trên cơ sở giao tiếp xã hội và phổ biến trong thư viện, nó biểu thị mối quan hệ của các thành viên trong tổ chức đó.

Đại học Harvard đã trở thành điển hình trong việc thay thế chế độ quan liêu bằng chế độ giao lưu xã hội, hay còn gọi là chế độ tổ chức đại học. Ắt hằm ổn định

³ Budd John: The Academic Library, Libraries Unlimited, Inc., Colorado, 1998, p. 24.

tổ chức, thư viện Đại học Harvard đã chuyển đổi từ mô hình khép kín sang phương pháp tích hợp và nhấn mạnh sự phối hợp của toàn thư viện. Các cá nhân được khuyến khích tự quản và nỗ lực hợp tác để giảm bớt sự giám sát của giám đốc. Sự thay đổi này không phải ngẫu nhiên mà được hình thành trong sáng kiến bám sát mục đích, nhiệm vụ của thư viện. Đại học Harvard tích cực thay đổi bằng cách điều chỉnh lại phương hướng nhiệm vụ của mình. Thư viện cần có một chiến lược hoạt động tốt, và dịch vụ thông tin phải luôn đổi mới để đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Ắ hưng những thay đổi trong quá trình hoạt động của thư viện cũng phụ thuộc rất nhiều vào đường lối, chính sách của lãnh đạo thư viện và các thành viên trong tổ chức thư viện đó.

Sự thay đổi về nguyên tắc quản lý thư viện tất yếu dẫn đến sự thay đổi những nguyên tắc quan trọng trong cấu trúc của thư viện. Ắ nguyên tắc về tính linh hoạt và tính hiệu quả được đưa lên hàng đầu. Các nhóm công tác nhỏ có ý nghĩa quan trọng trong triển khai các hoạt động thực tế. Lãnh đạo thư viện phải thúc đẩy, hỗ trợ các nhóm, giữ mối liên hệ với các nhóm để cải tiến và tăng cường năng suất, hiệu quả công việc. Từ đó hình thành khái niệm nhóm, đội. Vào năm 1994, Hiệp hội thư viện Đại học và ắ nghiên cứu (The Association of College and Research Libraries - ACRL) tài trợ cho một cuộc hội thảo về việc kiểm tra hoạt động của các thư viện đã thay đổi cấu trúc tổ chức. Kết quả là loại bỏ được những bộ phận trung gian không cần thiết. Trong suốt quá trình thực hiện, cán bộ đã làm việc một cách thận trọng để thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của thư viện và giữ vững mục tiêu đã được xác định đó trước khi tái cơ cấu thư viện. Tất cả các nhóm, đội báo cáo trực tiếp với giám đốc. Mỗi đội được tổ chức với một định hướng đối tượng cụ thể. Các phó giám đốc có nhiệm vụ hỗ trợ về nhân sự và hệ thống tài chính cho các đội, nhóm. Bộ phận chỉ huy của giám đốc bao gồm lãnh đạo các đội, phó giám đốc và trợ lý giám đốc để phát triển nhân sự. Ắ hờ sự thay đổi về cấu trúc tổ chức quản lý như vậy, một khái niệm mới về quản lý thư viện ra đời, đó là khái niệm Quản lý chất lượng tổng thể (Total Quality Management - TQM). Hệ thống quản lý chất lượng này đã trở thành một biện pháp cần thiết để hoàn thành kế hoạch chiến lược của thư viện đại học. TQM chi tiết hóa các quá trình và các chức năng của một tổ chức thư viện trên quan điểm, mục tiêu của tổ chức đó. Chính vì vậy, phương pháp lấy chất lượng làm trọng tâm bao gồm tổng thể kế hoạch thực thi hoạt động và đánh giá rất được đề cao. TQM tập trung chú ý vào người dùng tin. Ba biện pháp đánh giá người dùng tin là mức độ thỏa mãn dịch vụ tra cứu, khả năng tìm kiếm trực tuyến và sự thỏa mãn yêu cầu nói chung.

Việc tập trung chủ yếu vào người dùng tin không phải là một điều mới mẻ đối với các thư viện đại học. Ắ ăm 1983, Charles Martell đã xuất bản cuốn sách *Thư viện đại học lấy người dùng tin làm trung tâm*. Trong tác phẩm này ông đã chỉ ra trọng tâm của vấn đề là về mặt lý thuyết, thư viện đại học rất nhạy cảm và thích

ứng với nhu cầu thông tin đang thay đổi của khách hàng. ả hưng trong thực tế, thư viện đại học thường không nhạy cảm và cũng không đáp ứng được các nhu cầu này. Sự tập trung của Martell chủ yếu vào cơ cấu tổ chức thư viện đại học và các hoạt động của cán bộ thư viện đại học. Cán bộ thư viện cần đưa ra định hướng và biện pháp triển khai để đáp ứng nhu cầu của người dùng tin.

Với sự năng động, mạnh dạn tìm tòi, đổi mới, các nhà quản lý của thư viện đại học Mỹ đã nghiên cứu và áp dụng thành công nhiều mô hình tổ chức thư viện đa dạng và hiệu quả cao, dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu một số mô hình cụ thể.

Mô hình thông tin Đại học

Thư viện chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong mô hình thông tin đại học. Mô hình này được hình thành trên cơ sở sự hợp tác chặt chẽ giữa các thư viện trung tâm và các chi nhánh thư viện, tư liệu với nhau cũng như với các đơn vị khác trong trường như bộ phận văn thư lưu trữ, trung tâm tin học, hệ thống máy tính và các khoa. Trong môi trường thông tin này, thư viện và các đơn vị nói trên sẽ hỗ trợ hoặc thay thế nhau lưu trữ và cung cấp đầy đủ mọi thông tin thiết yếu cho cán bộ và sinh viên, phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của họ.

Đặc biệt khi công nghệ thông tin và truyền thông phát triển mạnh mẽ trong nhà trường, các mối liên kết thông tin sẽ toàn diện và phong phú hơn, bao gồm cung cấp dịch vụ truy cập thông tin điện tử rộng rãi tới tận lớp học; thiết lập mạng lưới thông tin đại học và quản lý hành chính. Các dịch vụ có thể rất chi tiết từ giới thiệu tài nguyên thông tin - thư viện cả trong trường và bên ngoài, các chương trình đào tạo, các khoa, học bổng, ký túc xá...

Mô hình không biên giới

Tên gọi mô hình này có ý nghĩa ẩn dụ, đó là “thư viện không có bức tường ngăn cách”. ả hưng nó có ý nghĩa thực tế. Cho đến nay, người ta vẫn còn coi khái niệm thư viện như một cái gì đó kiên cố, thư viện như một nhà kho hay một nơi lưu trữ. Không chỉ những người ngoài mà ngay cả nhiều cán bộ thư viện vẫn còn nghĩ như vậy. Thực ra, cho đến nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, biên giới địa lý của thông tin đã không còn.

Bất kỳ ở đâu, bất kỳ thời điểm nào, bạn đọc đều có thể truy cập và sử dụng thông tin của tất cả các thư viện được nối mạng trên thế giới. Khái niệm kho sách thư viện không còn đồng nghĩa với những dãy giá sách báo được đặt trong một tòa nhà cụ thể nào. Thông tin đã được truyền đi vượt mọi giới hạn của không gian, thời gian và không phụ thuộc vào bất kỳ một cung cách, phương thức chuyển giao nào.

Để mô hình này phát huy hiệu quả cao nhất, ngoài tài liệu in ấn, rất cần tài liệu số hoá. Đồng thời thư viện phải xây dựng được một cấu trúc hợp lý, khoa học nhằm đảm bảo gắn kết chặt chẽ giữa thông tin và người dùng tin. Trong mô hình

không biên giới, thư viện phải là một tổ chức linh hoạt, có khả năng đáp ứng cả nhu cầu đơn lẻ, cá biệt và nhu cầu cộng đồng rộng rãi.

Ảo tưởng chung cả tài liệu điện tử và in ấn đều có thể sử dụng hiệu quả, tuy nhiên thông tin điện tử có ưu thế hơn rất nhiều. Ảo tưởng được thể hiện trên các mặt:

- Tài liệu điện tử không bị khu biệt;
- Ảo tưởng người có thể sử dụng chung một cơ sở dữ liệu hay cùng một ổ đĩa có chứa tài liệu điện tử trong cùng một thời điểm;
- Tài liệu điện tử dễ sao chép;
- Tài liệu điện tử rất linh hoạt, dễ chỉnh sửa, sắp xếp;
- Bộ sưu tập tài liệu điện tử không quá đồ sộ như kho sách báo in.

Đối với hoạt động cung cấp thông tin truyền thống, mô hình không biên giới chính là mô hình hợp tác, liên thông thư viện. Thông qua dịch vụ cho mượn giữa các thư viện (Inter Library Online) bạn đọc có thể mượn tài liệu in từ bất kỳ thành viên nào trong liên hiệp thư viện (Consortium) mà thậm chí không phải trả chi phí vận chuyển. Đối với nguồn tin điện tử, vấn đề trở nên cực kỳ đơn giản, chỉ bằng một cái “nhấp chuột”, bạn đọc có thể truy cập tìm tin ở trang web của những thư viện lớn nhất (Thư viện Quốc hội Mỹ, Thư viện Quốc gia Ảo tưởng, Thư viện Quốc gia Pháp...) hay ở một trang web cá nhân nào đó (nếu được chủ trang web cho phép truy cập).

Đặc điểm cơ bản của mô hình này là sự phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ thư viện và người dùng tin. Cán bộ thư viện cần biết rõ nhu cầu cụ thể của người dùng tin để thỏa mãn nhu cầu của họ. Ảo tưởng đó là nhu cầu về tài liệu in truyền thống, tài liệu sẽ được gửi qua đường Fax, đường bưu điện hoặc một kênh chuyển phát tư liệu riêng. Ảo tưởng là nhu cầu về tài liệu số hóa (kể cả âm thanh, hình ảnh), tài liệu sẽ được gửi qua Email hoặc được hướng dẫn cách truy cập qua địa chỉ trực tuyến.

Trong mô hình không biên giới, vai trò của cán bộ thư viện sẽ chuyển từ việc chọn lựa tư liệu cho bạn đọc sang việc hướng dẫn kiến thức về cấu trúc thông tin và cơ chế truy cập cho họ.

Mô hình cố vấn giáo dục/nghiên cứu.

Hai mô hình trên đưa ra phương thức nghiên cứu dịch vụ thư viện đại học, nhấn mạnh cấu trúc thông tin cụ thể. Khái niệm mô hình cố vấn giáo dục/nghiên cứu tập trung chủ yếu vào những đóng góp của cán bộ thư viện đối với công tác giảng dạy và nghiên cứu của nhà trường. Đây cũng là một hoạt động ít phụ thuộc vào công nghệ thông tin hay bộ sưu tập. Trong mô hình này, cán bộ thư viện có mục đích cơ bản là thúc đẩy học tập, giảng dạy đạt kết quả cao hơn nữa.

Cán bộ thư viện và cán bộ giảng dạy có thể là đối tác của nhau trong quá trình làm việc. Đối tượng được chú ý đầu tiên và cũng là bước đầu của sự hợp tác là sinh viên năm thứ nhất. Đó là những người đang rất cần tìm hiểu về kinh nghiệm học đại học. Sinh viên mới vào trường không chỉ choáng ngợp trước kho tài liệu thông tin rộng lớn, mà họ thường thấy lạ lẫm khi tiếp cận phương pháp học ở bậc đại học. Cán bộ giảng dạy cùng với cán bộ thư viện có thể cùng nhau hướng sinh viên đến những khám phá mới mẻ và tiếp cận những thành tựu tri thức đã được tích lũy. Khi sinh viên năm thứ nhất đã nhận thức được vấn đề, họ có thể nghiên cứu, học tập một cách tốt nhất. ả hư vậy các bộ giảng dạy và cán bộ thư viện đã phối hợp với nhau, bổ sung thêm độ sâu kiến thức và phương pháp học tập, nghiên cứu cho sinh viên.

Cán bộ thư viện có thể thực hiện sự hợp tác này thông qua vai trò cố vấn. Vì thông tin được phân tán trên diện rộng và cán bộ thư viện là người đã quen với các môn học, có nhận thức khái quát về môn học để tìm kiếm đầy đủ nguồn tài liệu có liên quan tới môn học đó. Cán bộ giảng dạy có thể là chuyên gia trong một lĩnh vực nào đó, tuy nhiên, họ không hiểu nhiều về các lĩnh vực khác như khoa học thông tin thư viện chẳng hạn. Trong trường hợp này, cán bộ giảng dạy có thể tìm một cán bộ thư viện am hiểu về lĩnh vực mình quan tâm để có thể nắm rõ hơn về nguồn tài liệu thuộc lĩnh vực đó. Sự hợp tác không chỉ thúc đẩy công việc của cán bộ thư viện, cán bộ giảng dạy mà còn là sản phẩm trí tuệ của họ. Mô hình cố vấn có nghĩa là cán bộ thư viện phải ở vị trí trung gian giữa nguồn tin và cán bộ giảng dạy. Cán bộ thư viện đứng trước thách thức với vai trò trung gian đó. Họ phải tăng cường nhận thức các nguyên tắc giáo dục đại học để hiểu về mục đích giảng dạy. Họ cũng phải thuyết phục cán bộ giảng dạy về những lợi ích của công việc hợp tác và đề xuất các giải pháp hợp tác giữa hai bên.

Tóm lại, vì hầu hết các trường cao đẳng và đại học đều mang tính truyền thống tổ chức của chúng, nên thư viện cũng phải theo mô hình đó. Truyền thống nhấn mạnh tổ chức mang tính quan liêu với nhiều hạn chế. Để thay thế tổ chức truyền thống, nhiều thư viện đã thử chuyển đổi cấu trúc của họ bằng cách sử dụng các mô hình khác nhau.

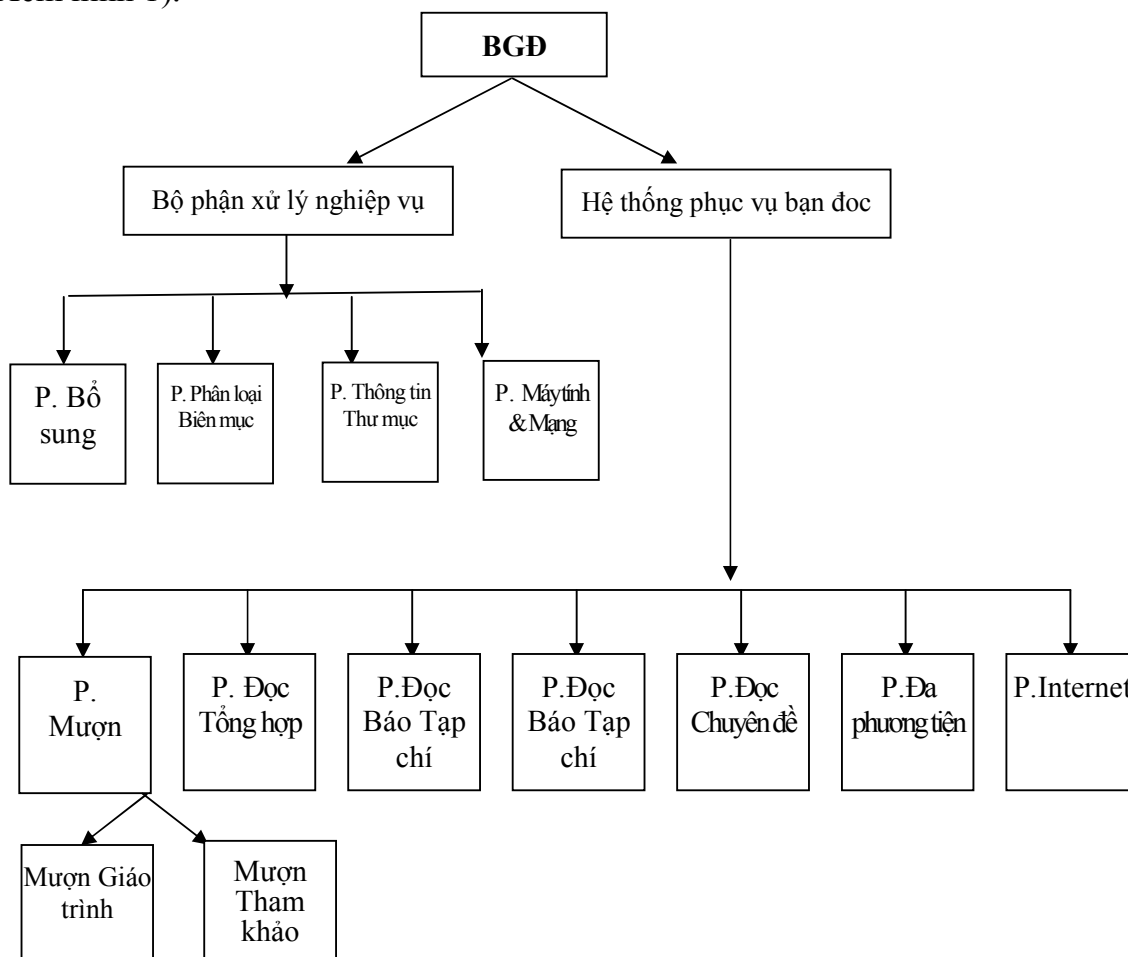
Không có gì hoàn mỹ, huống chi là một hiện tượng xã hội và nghiệp vụ phức tạp như hoạt động thư viện đại học. ả hưng chân lý của nhận thức là thành công của hoạt động diễn ra dưới sự chỉ đạo của nhận thức. Thành công của thư viện đại học Mỹ chứng tỏ những đặc trưng, những kinh nghiệm mà lịch sử hình thành và phát triển của nó mang lại là rất có giá trị. Việc vận dụng những bài học này là rất cần thiết đối với sự nghiệp phát triển thư viện đại học Việt ả am, nhưng cũng phải vận dụng một cách thực tiễn, tức là trên cơ sở các điều kiện kinh tế, xã hội và thực trạng của nền giáo dục đại học trên đất nước ta.

2. Đề xuất giải pháp đổi mới thư viện đại học Việt Nam

Trong khoảng một thập niên gần đây, thư viện đại học Việt ả am đang từng bước đổi mới, nhờ được quan tâm đầu tư và nhất là trước đòi hỏi của chính quá trình đổi mới giáo dục đại học. Tuy sự đổi mới diễn ra còn chậm chạp, phân tán và chưa đồng bộ, song đó là những tín hiệu rất đáng mừng, là tiền đề quan trọng để đổi mới trở thành một phong trào sâu rộng, một hướng đi tất yếu để thư viện đại học Việt ả am phát triển, đáp ứng nhu cầu thông tin, tư liệu ngày càng cao của xã hội, trước hết là của hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Dưới đây, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện quá trình đổi mới này.

a) Tổ chức lại các thư viện đại học

Thư viện đại học Việt ả am, giống với giai đoạn thập niên 50, thế kỷ XX của Mỹ, được quản lý bằng chế độ quan liêu, mà chúng ta có thể gọi là mô hình tập trung thống nhất. Mô hình quản lý này không phải được hiểu như một căn bệnh xa rời thực tiễn, mà được hiểu là mô hình quản lý tốt nhất cho việc tạo ra hoạt động thống nhất của một tổ chức, kể cả tổ chức thư viện. ả ó có những tác dụng tích cực của nó, và nó rất phù hợp với trạng thái đơn giản, nhỏ bé của thư viện, kể cả về quy mô tài liệu, nhân sự, đối tượng phục vụ và cả trình độ kỹ thuật nghiệp vụ. (Xem hình 1).



Hình 1: Mô hình thư viện quản lý tập trung

Mô hình tập trung thống nhất chủ yếu nhấn mạnh ý nghĩa tập trung. Toàn bộ hoạt động của thư viện phục tùng những quy chế tập trung do ban lãnh đạo đề xuất, được khách quan hóa, mọi người chấp hành mà không được phép châm chước tới các tình huống cụ thể và năng lực cá nhân. Mô hình này đảm bảo cho thư viện tính ổn định và phục vụ được những nhu cầu vốn đã được hoạch định một cách chủ quan của cơ sở đào tạo.

Trong điều kiện thư viện còn chưa phát triển đến trình độ như các nước phát triển, chúng ta vẫn phải áp dụng chế độ quản lý tập trung thống nhất này. ả ó chưa có nhu cầu cần phải thay đổi ngay. Tuy nhiên việc thí điểm các phương pháp quản lý mới cũng cần phải được nghiên cứu và thực hiện dần dần. Trước hết là mô hình nhóm đội, khái niệm thường được dùng trong hoạt động thư viện đại học Mỹ hiện đại. Mô hình này không phải là mô hình hoàn toàn đối lập với mô hình tập trung thống nhất, mà đúng hơn, nó bổ sung và phát triển mô hình trên theo ý nghĩa tận dụng những năng lực cá nhân và phù hợp với những hoàn cảnh cụ thể. Có thể hiểu mô hình này là vừa tập trung, vừa phân quyền. ả ó có tính chất tập trung ở chỗ, vẫn phải nhằm vào việc thực hiện ý đồ chiến lược của lãnh đạo, đó là phải hoàn thành những nhiệm vụ phục vụ học tập và nghiên cứu của nhà trường. ả hưng đồng thời có tính chất phân quyền ở chỗ, các bộ phận chỉ nhận những nhiệm vụ như kiểu “cả gói”. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, nhóm, đội, bộ phận phải tự mình tìm ra cách thức tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ. Với các cung cách do họ tự tìm ra, công việc sẽ được hoàn thành tốt hơn, và quan trọng là phù hợp hơn, chứ không phải bị gò bó ở các chuẩn mực mà cấp trên ra lệnh, không tính tới các điều kiện cụ thể của từng bộ phận. Ưu điểm của phương pháp quản lý theo mô hình nhóm, đội là, nó luôn luôn là một hệ thống mở, phù hợp một cách uyển chuyển với những thay đổi của nhiệm vụ và đối tượng phục vụ mà tới đây sự thay đổi của ả ãn giáo dục Đại học Việt ả ãm sẽ đem lại.

Một vấn đề quan trọng khác thuộc lĩnh vực quản lý là vai trò của thư viện trong trường đại học. Có lẽ phải coi đây là bước mở đường đột phá. Cần phải chấm dứt tình trạng coi thư viện chỉ là một bộ phận ghép của một đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu. Tình trạng này làm cho công tác thư viện trong trường bị coi là một công tác phụ, thậm chí là không đáng kể. Thư viện cần phải trở thành một bộ phận trực thuộc Ban Giám hiệu, với nhiệm vụ được nhấn mạnh là một trong những nhân tố hợp thành quá trình đào tạo và nghiên cứu, tức là có tư cách như một đơn vị khoa học. Cần phải nhấn mạnh rằng, chừng nào mà hoạt động đào tạo vẫn chưa coi công việc nắm chắc các nguồn thông tin, khai thác nó và sử dụng nó như những khâu tất yếu trong quá trình hình thành tri thức cho sinh viên, thì đào tạo đại học

vẫn không khác gì đào tạo phổ thông. Thư viện cần phải được tách ra thành một bộ phận riêng với nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu rõ ràng. Ắó đảm nhiệm việc dạy cho sinh viên cách nhận biết những nguồn thông tin hữu ích, cách khai thác và sử dụng chúng để tạo nên tri thức cho bản thân mình, cách sử dụng chúng như những thành tố đóng góp vào sự thành công của một đề tài nghiên cứu khoa học... Có thể nói, công việc này hầu như chưa được ai quan tâm chú ý. Kinh nghiệm của thư viện đại học Mỹ đã chỉ ra rằng, thư viện là khâu đột phá trong quá trình chuyển biến phương pháp và chất lượng giáo dục đại học ở Mỹ, công tác thư viện cung cấp các công đoạn tất yếu cho quy trình đào tạo những chuyên gia năng động, chất lượng tốt, khi tốt nghiệp đại học, và khi gia nhập vào thị trường lao động, họ không bị bỡ ngỡ mà có thể độc lập làm việc được ngay.

b) Thành lập Liên hiệp thư viện đại học Việt Nam, thực hiện liên thông thư viện và chia sẻ nguồn lực thông tin

Đề cập đến việc quản lý thư viện đại học, tất nhiên sẽ phải đề cập tới việc liên thông đại học, vì đó là sự phát triển tự nhiên của thư viện trong thời đại bùng nổ thông tin.

Mãi đến năm 1986, với sự tích cực cao độ của một số nhà khoa học đầu ngành cùng sự quan tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo (lúc đó là Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp) các Liên hiệp thư viện đại học khu vực mới được hình thành. Đến cuối những năm 1990, hoạt động liên thông mới được củng cố và phát triển trở lại sau hơn một thập kỷ các Liên hiệp thư viện đại học khu vực hoạt động cầm chừng và có xu hướng rã đám.

Chắc chắn rằng việc liên thông các thư viện đại học với nhau sẽ là một quá trình không thể lùi bước. Các kinh nghiệm được rút ra từ việc nghiên cứu lịch sử thư viện đại học Mỹ cũng chứng tỏ rằng liên thông là một tất yếu, khi mà nền giáo dục đại học có đầy đủ các tính chất hiện đại của nó. Ắ hưng cũng cần phải nhấn mạnh tới vai trò của các tổ chức liên hiệp thư viện, cơ sở xã hội nhất thiết trong quá trình phát triển thư viện đại học hiện đại. Ắ hư đã trình bày, những tổ chức thư viện có phạm vi toàn quốc của Mỹ đã đóng vai trò rất quyết định trong sự nghiệp phát triển thư viện đại học ở Mỹ. Các tổ chức Hiệp hội thư viện đại học Mỹ, Hiệp hội thư viện đại học và nghiên cứu Mỹ là những chủ thể tích cực, không chỉ tạo ra cơ sở xã hội mà còn góp phần quan trọng tác động tới ắ hà nước, để ắ hà nước phải tập trung nhiều hơn cho sự nghiệp phát triển thư viện.

Để hoàn thiện công tác tổ chức quản lý hệ thống thư viện đại học, theo chúng tôi, từ các Liên hiệp Thư viện Đại học Khu vực phía Bắc và phía ắ am - là đầu mối cho hai khu vực lớn - cần thực hiện việc sáp nhập thành một Liên hiệp thư viện đại

học thống nhất toàn quốc và làm cho nó trở thành một tổ chức có thực lực và có thực quyền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu Tiếng Việt

Tài liệu chỉ đạo

1. Đảng Cộng sản Việt ả am, *Kết luận số 242-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 15/4/2009 về tiếp tục thực hiện NQTW 2 (Khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020.*

2. *Quyết định số 10/2007/QĐ-BVHTT ngày 4/5/2007, phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thư viện Việt Nam đến 2010 và định hướng đến năm 2020.*

3. *Quyết định số 13/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10/3/2008 về việc ban hành quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường đại học.*

Sách, báo, tạp chí ...

4. ả guyễn Huy Chương, "Thư viện Đại học Mỹ - một số cải cách chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo", *Tạp chí Khoa học-Khoa học Xã hội t.XV* (4), tr. 1-6, 1999.

5. ả guyễn Huy Chương (chủ nhiệm đề tài), *Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức và hoạt động trung tâm thông tin – thư viện đại học*, Đề tài nghiên cứu cơ bản cấp Đại học Quốc gia Hà ả ội, 2005.

6. ả guyễn Huy Chương, ả hóm tác giả điều tra nghiên cứu - Trung tâm Thông tin thư viện đại học, ĐHQGHả , "Một số giải pháp thúc đẩy hoạt động thông tin thư viện đại học", *Tạp chí Thông tin - Tư liệu* (1), tr. 2-6, 2004.

7. ả guyễn Huy Chương, Trần Mạnh Tuấn, "Quan điểm xây dựng chiến lược và mục tiêu phát triển hoạt động thông tin- thư viện đại học Việt ả am giai đoạn 2006 – 2010", *Kỷ yếu Hội nghị ngành Thông tin Khoa học Công nghệ lần thứ V*, Hà ả ội, 2005.

8. Dương Bích Hồng, *Lịch sử sự nghiệp thư viện Việt Nam trong tiến trình văn hoá dân tộc*, Văn hoá Thông tin, Hà ả ội, 1999.

9. Liên hiệp Thư viện Đại học Khu vực Phía Bắc, *Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2005- 2008 và Phương hướng hoạt động của Liên hiệp nhiệm kỳ 2008-2011.*

10. Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hữu Giới (sưu tầm và biên soạn), *Về công tác thư viện- Các văn bản pháp quy hiện hành về thư viện*, In lần thứ 3, Bộ Văn hoá thông tin, H., 2008.

11. Trần Mạnh Tuấn, "Một số vấn đề đổi mới hoạt động thông tin-thư viện đại học", *Thông tin Khoa học xã hội* (6), tr. 5-10, 2004.

Tài liệu Tiếng Anh

12. Budd John, *The Academic Library*, Libraries Unlimited, Inc., Colorado, 1998.

13. Hamlin Arthur T., *The University Library in the United States : its origins and development*, Philadelphia University of Pennsylvania Press, 1981.

14. Moran Barbara B., " The Unintended Revolution in Academic Libraries: 1939 to 1989 and Beyond", *College & Research Libraries* Vol 50 (1), pp. 25-40, 1989.

15. Nguyễn Huy Chuong, Phạm Thục Trương Lương, *IT Infrastructure and Library Services of Vietnam National Library, Hanoi*, Paper at the Conference on Asean University Network (AUN) Inter - Library Online, Manila, Philippines, 2002.

16. Standards & Guidelines for Academic Libraries

<http://www.ala.org/ala/acrl/acrlstandards/standardsguidelines.htm>

17. The History of Academic Library in the United State

<http://www.webpages.uidaho.edu/~mbolin/weiner.htm>